

MST: 0100686209

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2020

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2020

(Đã được Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp phê duyệt tại Quyết định số 605/QĐ-UBQLV ngày 24/12/2019)

I. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2019

- (1) Tổng doanh thu hợp nhất ước đạt **35.321** tỷ đồng
- (2) Doanh thu Công ty mẹ ước đạt **33.925** tỷ đồng.
- (3) Lợi nhuận trước thuế ước đạt 6.078 tỷ đồng.
- (4) Lợi nhuận sau thuế ước đạt: **4.862** tỷ đồng
- (5) Tỷ suất LNST/VCSH ước đạt **23,9%**.
- (6) Nộp NSNN ước đạt **5.526** tỷ đồng.
- (7) Nợ đến hạn và khả năng thanh toán:
 - + Không có nợ phải trả quá hạn.
 - + Khả năng thanh toán nợ đến hạn lớn hơn 1.
- (8) Kế hoạch vốn đầu tư:
 - + Giá trị khối lượng đầu tư hoàn thành ước đến 31/12/2019: **5.116** tỷ đồng;
 - + Giá trị giải ngân ước đến 31/12/2019: **4.460** tỷ đồng;

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm và đầu tư phát triển năm 2020

- (1) Tổng doanh thu hợp nhất: 34.483 tỷ đồng.
- (2) Doanh thu Công ty mẹ: 33.283 tỷ đồng.
- (3) Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ: 6.365 tỷ đồng
- (4) Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ: 5.092 tỷ đồng.
- (5) Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ: 23,25%;
- (6) Nộp ngân sách: 5.378 tỷ đồng;
- (7) Không có nợ phải trả quá hạn và hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn lớn hơn 1.
- (8) Kế hoạch vốn đầu tư tối đa không quá 8.800 tỷ đồng.

III. Các giải pháp thực hiện

1. *Triển khai các giải pháp liên quan đến lĩnh vực đầu tư - vận hành mạng lưới:* Tổ chức triển khai nhanh dự án đầu tư đáp ứng cho nhu cầu kinh doanh phù hợp với xu hướng phát triển của thị trường viễn thông CNTT; Tối ưu, tăng cường chất lượng và năng lực của mạng

thông tin di động, đầu tư hạ tầng phục vụ cho mạng thông tin di động 4G đảm bảo đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp viễn thông hàng đầu Việt Nam; Đi đầu trong công tác chuẩn bị hạ tầng, mạng lưới cho triển khai mạng 5G; Xây dựng, hoàn thiện và hiện đại hóa cơ sở hạ tầng thông tin, hệ thống bảo mật, tạo nền tảng ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin đồng bộ và thành công trên quy mô toàn Tổng công ty Viễn thông MobiFone.

2. **Triển khai các giải pháp liên quan đến lĩnh vực kinh doanh:** Tập trung kinh doanh các dịch vụ mũi nhọn, dịch vụ mang lại hiệu quả kinh tế cao nhằm tối ưu hóa nguồn lực đầu tư, góp phần hoàn thành mục tiêu kế hoạch năm; Phát triển hệ sinh thái sản phẩm: theo hướng tăng trải nghiệm của khách hàng, với các nội dung hấp dẫn, phù hợp với từng đối tượng khách hàng, cải thiện doanh thu khách hàng; Đẩy mạnh đưa ra thị trường các dịch vụ mới thuộc nhóm có xu hướng phát triển mạnh: Fintech, Thanh toán, IoT, Quảng cáo trên di động, Truyền hình OTT; Kiện toàn/đổi mới lại hệ thống kênh phân phối đáp ứng yêu cầu và xu hướng ứng dụng công nghệ mới; tổ chức tốt công tác chăm sóc khách hàng, đẩy mạnh công tác truyền thông, nhận diện thương hiệu phục vụ hỗ trợ cho công tác bán hàng.
3. **Thúc đẩy triển khai mạnh các giải pháp liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu - phát triển:** Tập trung nguồn lực để xây dựng MobiFone thành nhà cung cấp dịch vụ số hàng đầu Việt Nam; Nghiên cứu triển khai các giải pháp công nghệ mới nhằm xây dựng và hoàn thiện hệ sinh thái dịch vụ có tính năng linh hoạt, ưu việt, đặc biệt là nội dung số nhằm thu hút khách hàng mới; Nghiên cứu, triển khai các dịch vụ tích hợp viễn thông, phát triển các dịch vụ mới, đẩy mạnh triển khai cung cấp dịch vụ nội dung, CNTT nhằm nâng cao ưu thế và lợi thế cạnh tranh.
4. **Triển khai các giải pháp liên quan đến lĩnh vực tổ chức – quản trị doanh nghiệp:** Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng các công cụ quản trị hiện đại như ERP, BSC,... trên nền hạ tầng ứng dụng sâu các giải pháp công nghệ thông tin trong quá trình quản trị, điều hành doanh nghiệp; Tiếp tục thu hút và đào tạo nâng cao nguồn nhân lực, đặc biệt là lao động CNTT nhằm đáp ứng cho nhu cầu phát triển, kinh doanh; Tổ chức, sắp xếp bố trí hợp lý nguồn nhân lực, hoàn thiện cơ chế tạo động lực cho người lao động nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc. ✓

**BIỂU CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH
VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2020**

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1	Tổng doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	34.483
2	Doanh thu Công ty mẹ	Tỷ đồng	33.283
3	Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ	Tỷ đồng	6.365
4	Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	Tỷ đồng	5.092
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	5.378
6	Kế hoạch vốn đầu tư tối đa không quá	Tỷ đồng	8.800

